

CHÍNH PHỦ

Số : **60/2003/NĐ-CP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P.310

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước về lập dự toán, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán Ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số lĩnh vực quốc phòng, an ninh; cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 2. Thu ngân sách nhà nước gồm :

1. Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật.
2. Phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí.

3. Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước theo quy định của pháp luật, gồm :

a) Tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế;

b) Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi);

c) Thu nhập từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế, kể cả thu từ lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ về thuế của các tổ chức kinh tế có sự tham gia góp vốn của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

4. Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các hoạt động sự nghiệp.

5. Tiền sử dụng đất; thu từ hoa lợi công sản và đất công ích.

6. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước.

7. Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

8. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

9. Thu từ huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

10. Phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ tiền bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu nhà nước.

11. Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam, các tổ chức nhà nước thuộc địa phương theo quy định tại Điều 50 của Nghị định này.

12. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 58 của Nghị định này.

13. Thu kết dư ngân sách theo quy định tại Điều 69 của Nghị định này.

14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, gồm :

a) Các khoản di sản nhà nước được hưởng;

b) Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản phạt, tịch thu;

- c) Thu hồi dự trữ nhà nước;
- d) Thu chênh lệch giá, phụ thu;
- đ) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
- e) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước chuyển sang;
- g) Các khoản thu khác.

Điều 3. Chi ngân sách nhà nước gồm :

1. Chi đầu tư phát triển về :

- a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn;
- b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- c) Chi bổ sung dự trữ nhà nước;
- d) Chi đầu tư phát triển thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhà nước;
- đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên về :

- a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, các sự nghiệp xã hội khác;
- b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế;
- c) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội;
- d) Hoạt động của các cơ quan nhà nước;
- đ) Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Phần chi thường xuyên thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án Nhà nước;

i) Hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội;

k) Trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội;

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay.

4. Chi viện trợ của ngân sách trung ương cho các Chính phủ và tổ chức ngoài nước.

5. Chi cho vay của ngân sách trung ương.

6. Chi trả gốc và lãi các khoản huy động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 58 của Nghị định này.

8. Chi bổ sung ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

9. Chi chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

Điều 4.

1. Bội chi ngân sách nhà nước là bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch thiếu giữa tổng số chi ngân sách trung ương và tổng số thu ngân sách trung ương của năm ngân sách. Ngân sách địa phương được cân đối với tổng số chi không vượt quá tổng số thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước gồm :

a) Các khoản vay trong nước từ phát hành trái phiếu Chính phủ và từ các nguồn tài chính khác;

b) Các khoản Chính phủ vay ngoài nước được đưa vào cân đối ngân sách.

Điều 5.

1. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, theo quy định hiện hành, bao gồm :

a) Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh), bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách huyện), bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã, phường, thị trấn;

c) Ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã);

2. Quan hệ giữa ngân sách các cấp thực hiện theo các nguyên tắc sau :

a) Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng và phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu của ngân sách cấp dưới;

b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này, được ổn định từ 3 đến 5 năm (gọi chung là thời kỳ ổn định ngân sách). Chính phủ trình Quốc hội quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa các cấp ở địa phương;

c) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; Trường hợp cần ban hành chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách sau khi dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp;

d) Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu ngân sách hàng năm (phần ngân sách địa phương được hưởng) để chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, phải tăng khả năng tự cân đối, phát triển ngân sách địa phương, thực hiện giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên (đối với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên) hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết số thu nộp về ngân sách cấp trên (đối với những địa phương có điều tiết về ngân sách cấp trên);

đ) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó;

e) Ngoài việc bổ sung nguồn thu và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b và đ Khoản 2 Điều này, không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác, trừ các trường hợp quy định tại điểm g Khoản 2 Điều này.

g) Ủy ban nhân dân các cấp được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ cho các đơn vị do cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong các trường hợp:

- Khi xảy ra thiên tai và các trường hợp cấp thiết khác mà địa phương cần khẩn trương huy động lực lượng để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội;

- Các đơn vị do cấp trên quản lý khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.

Điều 6. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc :

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn;

2. Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể :

a) Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia như : các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tác động đến cả nước hoặc nhiều địa phương, các chương trình, dự án quốc gia, các chính sách xã hội quan trọng, điều phối hoạt động kinh tế vĩ mô của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hỗ trợ những địa phương chưa cân đối được thu, chi ngân sách;

b) Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi quản lý;

3. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, thời gian thực hiện phân cấp này phải phù hợp với thời kỳ ổn định ngân sách ở địa phương; cấp xã được tăng cường nguồn thu, phương tiện và cán bộ quản lý tài chính - ngân sách để quản lý tốt, có hiệu quả các nguồn lực tài chính trên địa bàn được phân cấp;

4. Kết thúc mỗi kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp, theo thẩm quyền quy định tại các Điều 15, 16 và 25 của Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội, Hội đồng nhân dân điều chỉnh mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp.

Điều 7.

Dự toán ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 2% đến 5% tổng số chi của ngân sách mỗi cấp để chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán trong năm ngân sách.

Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách như sau :

1. Đối với dự phòng ngân sách trung ương, Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyết định mức chi không quá 1 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đối với các khoản chi trên 1 tỷ đồng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung dự trữ nhà nước, hỗ trợ tín dụng nhà nước, chi góp vốn cổ phần, liên doanh; Bộ Tài chính chủ trì thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho các khoản chi còn lại.

Đối với việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện những chính sách, chế độ mới đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định, giao Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tình hình sử dụng dự phòng ngân sách trung ương hàng quý và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Đối với dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương, cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân quyết định.

Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tình hình sử dụng dự phòng ngân sách địa phương hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tình hình sử dụng dự phòng ngân sách xã hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân trong kỳ họp gần nhất.

Điều 8.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đề ra những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí; thực hành tiết kiệm trong phạm vi được phân công quản lý; tổ chức bộ máy quản lý tài chính - ngân sách theo đúng quy định, bảo đảm tiêu chuẩn trình độ, năng lực, phẩm chất cán bộ để quản lý ngân sách chặt chẽ, có hiệu quả.

2. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt dự toán thu, chi ngân sách được giao, nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào ngân sách theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng các khoản vốn, kinh phí do Nhà nước cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả.

3. Ngoài cơ quan giao dự toán ngân sách, không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ ngân sách đã được giao.

4. Cơ quan tài chính các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách nộp đầy đủ, đúng thời hạn các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; cấp đúng chế độ, tiêu chuẩn, kịp thời theo tiến độ thực hiện các khoản chi trong phạm vi dự toán.

5. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân tự đặt ra chế độ, tiêu chuẩn thu, chi ngân sách nhà nước trái quy định của pháp luật.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các địa phương, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán chi ngân sách trong phạm vi được giao. Nghiêm cấm các trường hợp sau đây :

a) Sử dụng ngân sách để cho vay trực tiếp, trừ trường hợp dùng nguồn vay của ngân sách trung ương cho các doanh nghiệp vay lại theo quy định của Chính phủ;

b) Vay hoặc chiếm dụng vốn của các tổ chức, cá nhân trái quy định của pháp luật;

c) Sử dụng ngân sách không đúng chế độ, chính sách, sai mục tiêu do cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 9. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm của các tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng, quyết toán tài chính - ngân sách, tài sản nhà nước.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách được quy định như sau :

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định định mức phân bổ ngân sách làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, các địa phương; trước khi ban hành, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến bằng văn bản.

2. Căn cứ vào định mức phân bổ ngân sách do Thủ tướng Chính phủ ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ ngân sách làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương.

3. Căn cứ vào các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ quyết định những chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước như: chế độ tiền lương, trợ cấp xã hội, chế độ đối với người có công với cách mạng, tỷ trọng chi ngân sách thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ trong tổng chi ngân sách nhà nước; trước khi ban hành, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến bằng văn bản.

4. Chính phủ giao Thủ tướng Chính phủ quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước. Đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu để phù hợp đặc điểm của địa phương, Thủ tướng Chính phủ quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể.

5. Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định.

6. Ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, trên cơ sở nguồn ngân sách địa phương bảo đảm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chế độ chi ngân sách, phù hợp với đặc điểm thực tế ở địa phương. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính việc ban hành các chế độ chi ngân sách ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện;

7. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung và hiệu quả công việc, trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có thu được quyết định các mức chi quản lý, chi nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính của đơn vị theo quy định của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên; các chế độ này phải gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phối hợp và giám sát thực hiện. Trường hợp các mức chi đó không phù hợp với quy định của Chính phủ thì cơ quan Tài chính có ý kiến để điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 11.

1. Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu, nộp và sử dụng ngân sách nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán theo đúng chế độ kế toán nhà nước; quyết toán đầy đủ, kịp thời và trung thực các khoản thu, chi phát sinh; sử dụng hoá đơn, chứng từ thu, chi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Nghiêm cấm các cấp chính quyền, tổ chức và cá nhân tự giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước hoặc dùng nguồn ngân sách nhà nước cấp để lập quỹ ngoài ngân sách trái quy định của pháp luật.

Điều 12 .

1. Chính quyền các cấp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải thực hiện công khai : dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao; quyết

toán ngân sách được cấp có thẩm quyền duyệt; kết quả kiểm toán ngân sách do cơ quan kiểm toán công bố theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan thu, cơ quan Tài chính, cơ quan kho bạc phải nghiêm yết quy trình, thủ tục thu nộp, miễn, giảm các khoản thu ngân sách nhà nước, cấp phát và thanh toán ngân sách tại nơi giao dịch.

3. Giao Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết chế độ công khai trong lĩnh vực ngân sách.

Điều 13. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan khác ở địa phương có trách nhiệm báo cáo và cung cấp các tài liệu liên quan đến thu, chi ngân sách cho Ủy ban Kinh tế và Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân theo đúng Quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương do Chính phủ ban hành.

Điều 14.

1. Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam.

2. Đối với các khoản thu của ngân sách nhà nước tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, phải nộp vào quỹ ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp thu ngân sách nhà nước bằng hiện vật và ngày công lao động, phải quy đổi thành tiền theo giá thị trường tại địa phương để phản ánh vào ngân sách nhà nước.

4. Đối với các nhu cầu chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ, phải lập dự toán, cấp phát bằng đồng Việt Nam để các đơn vị mua ngoại tệ của Ngân hàng, trừ một số trường hợp được chi bằng ngoại tệ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ vào quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của Nghị định này quy định cụ thể việc quản lý thu, chi ngân sách cấp xã; giao Ủy ban nhân dân địa phương bố trí đủ cán bộ đã được đào tạo để quản lý ngân sách xã; đồng thời, thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã để bảo đảm đủ năng lực quản lý ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 16

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo nguyên tắc ngân sách nhà nước cấp chênh lệch giữa dự toán chi được duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định và các nguồn thu của các tổ chức nêu trên theo chế độ quy định (đoàn phí, công đoàn phí, hội phí; các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật).

2. Các tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động phải lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán theo đúng chế độ quy định.

Điều 17. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự bảo đảm kinh phí hoạt động. Trường hợp các tổ chức trên có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ; giao Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết việc hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với các tổ chức trên.

Điều 18.

1. Kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và từng tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này được bố trí trong dự toán các cấp ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định.

2. Tổng số kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được tổng hợp trong dự toán của các cấp ngân sách. Sau khi dự toán ngân sách được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao mức hỗ trợ cụ thể cho từng tổ chức.

Điều 19. Mọi tài sản được đầu tư từ nguồn ngân sách, nguồn đóng góp của nhân dân, đất đai và các tài sản khác thuộc sở hữu của Nhà nước phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH
VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Điều 20. Nguồn thu của ngân sách trung ương gồm :

1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% :

a) Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu;

- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá nhập khẩu;
- d) Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành (Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố cụ thể các đơn vị hạch toán toàn ngành);
- đ) Các khoản thuế và thu khác từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, tiền thuê mặt đất, mặt nước;
- e) Tiền thu hồi vốn của ngân sách trung ương tại các cơ sở kinh tế, thu hồi tiền cho vay của ngân sách trung ương (cả gốc và lãi), thu từ Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương, thu nhập từ vốn góp của ngân sách trung ương;
- g) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;
- h) Phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí và lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc trung ương tổ chức thu, không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ;
- i) Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản thu sự nghiệp của các đơn vị do các cơ quan trung ương trực tiếp quản lý;
- k) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- l) Thu kết dư ngân sách trung ương;
- m) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách trung ương năm trước chuyển sang;
- n) Các khoản phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương :

- a) Thuế giá trị gia tăng, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, không kể thuế quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều này;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Phí xăng, dầu.

Điều 21. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm :

1. Chi đầu tư phát triển về :

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do trung ương quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chi hỗ trợ tài chính, bổ sung vốn, hỗ trợ và thưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật;

d) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhà nước do các cơ quan trung ương thực hiện;

đ) Chi hỗ trợ các tổ chức tài chính của Nhà nước do Trung ương quản lý;

e) Chi bổ sung dự trữ nhà nước;

g) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên về :

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý :

- Các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động sự nghiệp y tế khác;
- Các cơ sở thương binh, người có công với cách mạng, trại xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;
- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác;
- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Các sự nghiệp khác.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý :

- Sự nghiệp giao thông : duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường;
- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp : bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; công tác khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Điều tra cơ bản;
- Đo đạc địa giới hành chính;
- Đo vẽ bản đồ;
- Đo đạc biên giới, cắm mốc biên giới;
- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;
- Định canh, định cư và kinh tế mới;
- Các hoạt động sự nghiệp môi trường;
- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định của Chính phủ;

d) Hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân;

đ) Hoạt động của cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của các cơ quan trung ương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Lao động Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia, dự án nhà nước do các cơ quan trung ương thực hiện;

i) Thực hiện chế độ đối với người về hưu, mất sức theo quy định của Bộ Luật Lao động cho các đối tượng thuộc ngân sách trung ương bảo đảm; hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;

k) Thực hiện các chính sách đối với thương binh, bệnh binh, liệt sỹ, thân nhân liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội khác;

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay.

4. Chi viện trợ cho các Chính phủ và tổ chức nước ngoài.

5. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

6. Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương.

7. Bổ sung cho ngân sách địa phương.

8. Chi chuyển nguồn từ ngân sách trung ương năm trước sang ngân sách trung ương năm sau.

Điều 22. Nguồn thu của ngân sách địa phương gồm :

1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% :

- a) Thuế nhà, đất;
- b) Thuế tài nguyên; không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu, khí;
- c) Thuế môn bài;
- d) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- e) Tiền sử dụng đất;
- g) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước không kể tiền thuê mặt nước thu từ hoạt động dầu khí;
- h) Tiền đền bù thiệt hại đất;
- i) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
- k) Lệ phí trước bạ;
- l) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- m) Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu từ Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh theo quy định tại Điều 58 của Nghị định này;
- n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật;
- o) Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu, không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ;
- p) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- q) Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản thu sự nghiệp của các đơn vị do địa phương quản lý;
- r) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- s) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;
- t) Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;
- u) Thu kết dư ngân sách địa phương;
- v) Các khoản phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- x) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

y) Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này.

Điều 23. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp nguồn thu cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Nghị định này, đồng thời phải bảo đảm các yêu cầu sau :

1. Gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp.

2. Ngân sách xã, thị trấn được hưởng tối thiểu 70% đối với các khoản thu sau :

- a) Thuế chuyên quyền sử dụng đất;
- b) Thuế nhà, đất;
- c) Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- d) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;
- đ) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

3. Ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh được hưởng tối thiểu 50% khoản thu lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất.

Điều 24. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương gồm :

1. Chi đầu tư phát triển về :

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do địa phương quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên về :

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do địa phương quản lý :

- Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

- Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

- Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;

- Các sự nghiệp khác do địa phương quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do địa phương quản lý :

- Sự nghiệp giao thông : duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Sự nghiệp thị chính : duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Điều tra cơ bản;

- Các hoạt động sự nghiệp về môi trường;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ;

d) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở địa phương;

đ) Hoạt động của các cơ quan địa phương của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

e) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

h) Phân chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;

i) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả gốc, lãi tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

6. Chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau.

7. Các nhiệm vụ chi quy định tại điểm b Khoản 1 và các Khoản 3 và 4 Điều này, chỉ quy định cho ngân sách cấp tỉnh, không áp dụng cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

Điều 25. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp nhiệm vụ chi cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Nghị định này, đồng thời phải bảo đảm các yêu cầu sau :

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư từng vùng và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, bảo đảm hiệu quả;

2. Phải phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác cho thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Điều 26. Việc huy động vốn để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi ngân sách cấp tỉnh quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện như sau :

1. Khi có nhu cầu huy động vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, nội dung phương án phải nêu rõ :

a) Kế hoạch đầu tư 5 năm thuộc nguồn ngân sách cấp tỉnh bảo đảm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Dự án đầu tư đề nghị huy động vốn thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch đầu tư 5 năm đã được Hội đồng nhân dân quyết định;

c) Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư đề nghị huy động vốn;

d) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

đ) Tổng số vốn đầu tư cần huy động và dự kiến nguồn bảo đảm trả nợ của ngân sách cấp tỉnh;

e) Hình thức huy động vốn; khối lượng huy động; lãi suất huy động và phương án trả nợ khi đến hạn;

g) Dự nợ vốn huy động tại thời điểm trình phương án và dự nợ nếu được duyệt phương án bảo đảm không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, không kể vốn đầu tư bổ sung theo mục tiêu không có tính chất ổn định thường xuyên từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh;

h) Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm báo cáo và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo;

i) Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án huy động.

2. Sau khi phương án huy động vốn được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát việc thực hiện và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc huy động vốn của địa phương được thực hiện theo các hình thức phát hành trái phiếu đầu tư theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ và huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn vốn huy động được hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh để chi cho mục tiêu đã định và phải bố trí trong cân đối của ngân sách cấp tỉnh để chủ động trả hết nợ khi đến hạn.

Điều 27.

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định một số chế độ thu phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án huy động và sử dụng nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật, báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Khi có nhu cầu huy động sự đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của xã, thị trấn, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân lập phương án báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

4. Nguồn thu từ các khoản huy động đóng góp tự nguyện được hạch toán thu ngân sách địa phương, được quản lý công khai, có kiểm tra, kiểm soát và bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng Quy chế dân chủ ở cơ sở và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 28.

1. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, theo thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cụ thể tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các nguồn thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã, bảo đảm nguyên tắc :

a) Đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, khi phân chia lại cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu không được vượt quá tỷ lệ do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Bảo đảm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tối thiểu đối với một số khoản thu cho ngân sách xã, thị trấn và ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo các quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 của Nghị định này.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối ngân sách được xác định theo nguyên tắc sau :

a) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách từng cấp theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng dân tộc thiểu số và vùng có khó khăn khác;

b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định nhằm bảo đảm nguồn thu cho ngân sách địa phương cân đối với nhu cầu chi theo nhiệm vụ được giao. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi đã thực hiện để lại 100% các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho địa phương mà nhiệm vụ chi vẫn lớn hơn nguồn thu ngân sách địa

phương được hưởng, thì ngân sách trung ương sẽ thực hiện bổ sung cân đối cho ngân sách địa phương tương ứng với số chênh lệch giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi.

5. Tùy theo điều kiện thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể vừa phân cấp nguồn thu điều tiết, vừa thực hiện bổ sung cân đối cho các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 29.

1. Chính phủ trình Quốc hội quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định mức bổ sung từ ngân sách cấp mình cho ngân sách cấp dưới trực tiếp.

2. Bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới gồm :

a) Bổ sung cân đối thu, chi ngân sách nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối nguồn ngân sách để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao;

b) Bổ sung có mục tiêu nhằm hỗ trợ ngân sách cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Hỗ trợ thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;

- Hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án quốc gia giao các cơ quan địa phương thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;

- Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, công trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nằm trong quy hoạch và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng, ngân sách cấp dưới đã bố trí chi nhưng không đủ nguồn hoặc cần tập trung nguồn lực để thực hiện nhanh trong một thời gian nhất định; mức hỗ trợ theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ một phần để xử lý khó khăn đột xuất : khắc phục thiên tai, hoá hoạn, tai nạn trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng, một phần Quỹ dự trữ tài chính của địa phương nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ cần thiết, cấp bách khác; mức bổ sung theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Kinh phí bổ sung theo mục tiêu phải được sử dụng theo đúng mục tiêu quy định.

Chương III **LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 30. Căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm :

1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.
2. Những nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương.
3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước (đối với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách); tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đã được quy định (đối với dự toán năm tiếp theo của thời kỳ ổn định).
4. Chính sách, chế độ thu ngân sách; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.
5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau; Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách; Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
6. Số kiểm tra về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính thông báo và số kiểm tra về dự toán chi đầu tư phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp trên thông báo số kiểm tra cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.
7. Tình hình thực hiện ngân sách các năm trước.

Điều 31. Yêu cầu đối với lập dự toán ngân sách hàng năm :

1. Dự toán ngân sách nhà nước và dự toán ngân sách các cấp chính quyền phải tổng hợp theo từng lĩnh vực thu, chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ; khi lập dự toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm tổng số thu thuế và phí, lệ phí phải lớn hơn chi thường xuyên.

2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán các cấp phải lập theo đúng nội dung, biểu mẫu, thời hạn và phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo Mục lục ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, trong đó :

a) Việc lập dự toán thu ngân sách nhà nước phải căn cứ vào mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu liên quan và các quy định của pháp luật về thu ngân sách;

b) Việc lập dự toán chi đầu tư phát triển phải căn cứ vào những dự án đầu tư có đủ các điều kiện bố trí vốn theo quy định về Quy chế quản lý vốn đầu tư xây dựng và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm, khả năng ngân sách hàng năm; đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn phù hợp với tiến độ triển khai của các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định và đang thực hiện dở dang;

c) Việc lập dự toán chi thường xuyên, phải tuân theo các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan hành chính thực hiện chế độ khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ;

d) Trong dự toán ngân sách các cấp phải bố trí chi trả đủ các khoản nợ đến hạn (kể cả nợ gốc và trả lãi) theo đúng nghĩa vụ trả nợ;

e) Việc lập dự toán vay bù đắp thiếu hụt ngân sách trung ương, phải căn cứ vào cân đối ngân sách, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và mức khống chế bội chi ngân sách theo Nghị quyết Quốc hội.

3. Dự toán ngân sách phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán.

Điều 32. Hướng dẫn lập dự toán ngân sách và thông báo số kiểm tra hàng năm :

1. Trước ngày 31 tháng 5, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau.

2. Căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 10 tháng 6, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về yêu cầu, nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách với tổng mức và từng lĩnh vực thu, chi ngân sách đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổng số thu, chi và một số lĩnh vực chi quan trọng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn về yêu cầu, nội dung, thời hạn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển và phối hợp với Bộ Tài chính thông báo số kiểm tra vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư.

3. Căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn, số kiểm tra về dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan, địa phương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 33. Các doanh nghiệp căn cứ vào kế hoạch sản xuất - kinh doanh của mình, các luật, pháp lệnh về thuế và các chế độ thu ngân sách nhà nước, dự kiến số thuế và các khoản phải nộp ngân sách năm sau đăng ký với cơ quan Thuế và cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách.

Điều 34. Lập dự toán của các đơn vị dự toán và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I.

2. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp.

3. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I) lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp. Các cơ quan nhà nước Trung ương gửi báo cáo trước ngày 20

tháng 7 năm trước. Thời gian gửi báo cáo của các cơ quan nhà nước địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Dự toán thu, chi ngân sách phải kèm theo bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán từng khoản thu, chi.

Điều 35. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở Trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan Tài chính và cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp lập dự toán thu, chi ngân sách theo ngành, lĩnh vực phụ trách của ngân sách cấp mình. Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, về khoa học, công nghệ ở Trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan Tài chính và cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp lập dự toán thu, chi ngân sách theo lĩnh vực phụ trách trong phạm vi cả nước và từng địa phương. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

Điều 36.

1. Cục Hải quan lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, các khoản thu khác liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý và theo địa bàn từng tỉnh gửi Tổng cục Hải quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Cục Thuế lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cục Thuế các tỉnh hướng dẫn cơ quan Thuế trực thuộc lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan Tài chính và cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương.

Điều 37. Lập dự toán ngân sách địa phương :

1. Sở Tài chính - Vật giá chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc tỉnh, dự toán thu do cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan lập (nếu có), dự toán thu, chi ngân sách của các huyện; lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách tỉnh (gồm dự toán ngân sách các huyện và dự toán ngân sách cấp tỉnh), dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, dự toán các khoản kinh phí ủy quyền báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

2. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia (phần dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia) chậm nhất vào ngày 25 tháng 7 năm trước.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán ngân sách các cấp ở địa phương phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 38. Lập dự toán ngân sách nhà nước và ngân sách trung ương :

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan liên quan, tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, lập phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo; dự toán chi ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ), chi Chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo; nhu cầu trả nợ và khả năng vay. Theo phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ báo cáo và giải trình với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định tại Quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan nhà nước trong quá trình lập, tổng hợp và phân bổ dự toán ngân sách :

1. Ủy ban nhân dân :

a) Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; phối hợp và chỉ đạo cơ quan Thuế, Hải quan (nếu có) ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (đối với cấp xã) xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính nhà nước cấp trên;

c) Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương

án phân bổ ngân sách cấp mình, báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên trực tiếp dự toán ngân sách địa phương và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

d) Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung ngân sách cho cấp dưới;

đ) Lập phương án điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trong trường hợp nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp không phù hợp với nhiệm vụ thu, chi ngân sách cấp trên giao;

e) Kiểm tra Nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới; yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết;

2. Cơ quan Tài chính các cấp :

a) Đối với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách, chủ trì, phối hợp với cơ quan Kế hoạch và Đầu tư tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, các cơ quan, đơn vị cùng cấp về dự toán ngân sách; có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách, chỉ làm việc khi Ủy ban nhân dân cấp dưới có đề nghị;

Trong quá trình làm việc, lập dự toán ngân sách và xây dựng phương án phân bổ ngân sách, nếu còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan Tài chính với các cơ quan cùng cấp và chính quyền cấp dưới, cơ quan Tài chính các cấp ở địa phương phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách theo lĩnh vực ở cấp mình. Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ phải tổng hợp, lập dự toán theo lĩnh vực ở địa phương và trong phạm vi cả nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp mình;

d) Phối hợp với cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp trong việc lập dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp mình;

đ) Bộ Tài chính căn cứ tổng mức dự toán chi đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định này đã được cấp có thẩm quyền giao, tổ chức thực hiện theo chế độ quy định;

e) Bộ Tài chính tổng hợp dự toán và phương án phân bổ dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia (phần dự toán chi thường xuyên) do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập;

g) Đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách;

h) Bộ Tài chính kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, có ý kiến đề nghị điều chỉnh lại dự toán ngân sách tỉnh trong trường hợp cần thiết. Cơ quan Tài chính các cấp ở địa phương kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới để đề xuất ý kiến trình Ủy ban nhân dân cùng cấp, yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết.

3. Cơ quan Kế hoạch và Đầu tư các cấp :

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự án kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách;

b) Cơ quan Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp mình; chủ trì, phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp lập dự toán chi đầu tư phát triển, lập phương án phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi bổ sung dự trữ nhà nước, chi hỗ trợ tín dụng nhà nước và chi góp vốn cổ phần, liên doanh theo quy định hiện hành của pháp luật; ở trung ương, gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm trước để Bộ Tài chính tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Luật Ngân sách nhà nước;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán và phương án phân bổ dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia (phần chi đầu tư xây dựng cơ bản) do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập và tổng hợp chung dự toán và phương án phân bổ chi Chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm trước.

4. Các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương :

a) Các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Nghị định này;

b) Các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương tổ chức lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp; lập dự toán chi các Chương trình mục tiêu quốc gia gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 20 tháng 7 năm trước; phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp lập và phân bổ dự toán ngân sách theo lĩnh vực của ngân sách cấp mình;

c) Các cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán và phương án phân bổ chi Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp trước ngày 30 tháng 7 năm trước để tổng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp ý kiến của cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia chưa thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 40. Quyết định, phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước :

1. Căn cứ vào các nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và mức bổ sung cân đối, mức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

2. Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới trước ngày 10 tháng 12 năm trước; báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách tỉnh và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3. Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm trước. Sau khi dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan Tài chính cấp trên trực tiếp về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 41.

1. Dự toán ngân sách nhà nước, dự toán phân bổ ngân sách trung ương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi trình Quốc hội phải kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định tại Điều 42 của Luật Ngân sách nhà nước và Quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

2. Dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách các cấp chính quyền địa phương khi trình Hội đồng nhân dân phải kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định tại Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương do Chính phủ ban hành.

Điều 42.

1. Trường hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương chưa được Quốc hội quyết định, Chính phủ lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.

2. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương chưa được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, Ủy ban nhân dân lập lại dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định,

nhưng không được chậm hơn ngày 10 tháng 01 năm sau đối với ngân sách tỉnh, ngày 20 tháng 01 năm sau đối với ngân sách huyện và ngày 30 tháng 01 năm sau đối với ngân sách xã.

Điều 43. Điều chỉnh dự toán ngân sách :

1. Trường hợp có biến động lớn về ngân sách nhà nước so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, Chính phủ lập dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, song không làm biến động lớn đến tổng thể và cơ cấu ngân sách, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp có biến động lớn về ngân sách địa phương so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương.

4. Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số cơ quan trực thuộc hoặc của ngân sách cấp dưới, nhưng không làm biến động lớn đến tổng thể ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương.

Việc điều chỉnh tổng thể dự toán ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách địa phương theo Khoản 1 và Khoản 3 Điều này, thực hiện theo quy trình lập, quyết định, phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

5. Các cơ quan nhà nước điều chỉnh dự toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc trong các trường hợp sau :

a) Khi Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của cơ quan đó;

b) Cần phân bổ lại ngân sách cho các đơn vị trực thuộc.

c) Việc thực hiện điểm a và điểm b Khoản 5 Điều này, thực hiện theo những quy định về giao dự toán và điều chỉnh dự toán quy định tại Điều 44 của Nghị định này.

Chương IV

CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 44.

1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo các nguyên tắc sau :

a) Tổng số giao cho các đơn vị trực thuộc không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực. Đối với nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản phải ưu tiên những dự án quan trọng chuyên tiếp; đối với các dự án mới, chỉ phân bổ, giao dự toán khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;

b) Dự toán giao cho đơn vị sử dụng ngân sách được phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi chủ yếu của Mục lục Ngân sách nhà nước. Đối với những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản có tính chất không thường xuyên khác còn phải phân theo tiến độ thực hiện từng quý.

2. Phương án phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để thẩm tra. Trường hợp việc phân bổ không phù hợp với nội dung dự toán do cơ quan có thẩm quyền giao, không đúng với chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức thì cơ quan Tài chính yêu cầu cơ quan phân bổ ngân sách điều chỉnh lại.

3. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải hoàn thành trước 31 tháng 12 năm trước, trừ trường hợp dự toán ngân sách nhà nước chưa được Quốc hội quyết định, dự toán ngân sách địa phương chưa được Hội đồng nhân dân quyết định.

4. Trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách, khi cần thiết, đơn vị dự toán cấp I được điều chỉnh dự toán ngân sách giữa các đơn vị trực thuộc, sau khi thống nhất với cơ quan Tài chính cùng cấp, song không được làm thay đổi tổng mức và chi tiết dự toán đã giao cho đơn vị dự toán cấp I.

Điều 45

1. Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, cơ quan Tài chính và Kho bạc Nhà nước tạm cấp kinh phí cho các nhiệm vụ chi sau :

- a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;
- b) Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;
- c) Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;
- d) Chi cho dự án chuyên tiếp thuộc các chương trình quốc gia;
- đ) Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

2. Mức tạm cấp hàng tháng tối đa không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước.

Điều 46

1. Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều này cho phép chậm nộp ngân sách trong các trường hợp sau :

- a) Tổ chức, cá nhân gặp khó khăn khách quan do thiên tai, hoả hoạn;
- b) Các trường hợp được chậm nộp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân chậm nộp mà không được phép, căn cứ vào yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều này, Ngân hàng và Kho bạc nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản phải trích từ tài khoản tiền gửi của tổ chức, cá nhân đó nộp vào ngân sách nhà nước hoặc áp dụng các biện pháp khác để thu cho ngân sách. Đồng thời, tổ chức, cá nhân chậm nộp còn phải chịu phạt và bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan dưới đây có thẩm quyền yêu cầu Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước trích tài khoản của tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này để nộp ngân sách nhà nước :

- a) Cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan đối với việc chậm nộp các khoản thuế và các khoản thu khác được giao quản lý;
- b) Cơ quan Tài chính đối với việc chậm nộp các khoản thu khác.

5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân cố tình không nộp thì ngoài việc bị trích tài khoản để nộp ngân sách còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Các khoản thu của ngân sách nhà nước phải nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Đối với một số khoản thu phí, lệ phí, thu thuế đối với hộ kinh doanh không cố định, thu ngân sách ở địa bàn xã vì lý do khách quan mà việc nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước có khó khăn thì cơ quan thu có thể thu trực tiếp, song phải nộp Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 48.

1. Chỉ các cơ quan dưới đây được tổ chức thu ngân sách nhà nước :

a) Cơ quan Thuế nhà nước;

b) Cơ quan Hải quan;

c) Cơ quan Tài chính và các cơ quan khác được Chính phủ cho phép, hoặc được Bộ Tài chính ủy quyền.

2. Cơ quan thu có nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 54 của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan thu phải sử dụng chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính để thực hiện thu, nộp ngân sách.

Điều 49

1. Căn cứ vào mục đích vay, việc sử dụng vốn vay nước ngoài được thực hiện theo nguyên tắc :

a) Đối với các khoản vay cho các dự án đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng và các dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc đối tượng ngân sách nhà nước cấp, được bố trí trong dự toán ngân sách do cấp có thẩm quyền quyết định, Bộ Tài chính thực hiện cấp vốn theo chế độ quy định;

b) Đối với các khoản vay cho các dự án thuộc đối tượng tín dụng nhà nước, Bộ Tài chính thực hiện cho vay lại theo quy định của Chính phủ.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc quản lý thu và cấp phát vốn vay nước ngoài theo nguyên tắc trên và phù hợp với từng hiệp định đã ký kết với nước ngoài.

Điều 50. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền hoặc bằng hiện vật của các Chính phủ, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan, đơn vị nhà nước phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định sau đây :

1. Đối với các khoản viện trợ đã xác định được đơn vị sử dụng thì cơ quan Tài chính làm thủ tục ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước;

2. Đối với các khoản viện trợ chưa xác định đơn vị sử dụng, cơ quan Tài chính có trách nhiệm quản lý và ghi thu ngân sách, đồng thời xác định phương án sử dụng theo đúng các cam kết, mục tiêu đã thoả thuận với phía viện trợ, trình cấp có thẩm quyền quyết định, sau đó phân phối cho các đơn vị sử dụng và làm thủ tục ghi chi ngân sách nhà nước;

Điều 51. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây :

1. Đã có trong dự toán ngân sách nhà nước được giao, trừ các trường hợp sau :

a) Dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định này;

b) Chi từ nguồn tăng thu so dự toán được giao và từ nguồn dự phòng ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

2. Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định;

3. Đã được Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền quyết định chi;

4. Ngoài các điều kiện quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này; trường hợp sử dụng vốn, kinh phí ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và các công việc khác phải qua đấu thầu hoặc thẩm định giá thì còn phải tổ chức đấu thầu hoặc thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

5. Các khoản chi có tính chất thường xuyên được chia đều trong năm để chi; các khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác phải thực hiện theo dự toán quý được đơn vị dự toán cấp I giao cùng với giao dự toán năm.

Điều 52. Trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong việc quản lý chi ngân sách nhà nước được quy định cụ thể như sau :

1. Cơ quan Tài chính :

a) Thẩm tra việc phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng quy định tại Điều 44 của Nghị định này;

b) Bố trí nguồn để đáp ứng các nhu cầu chi, trường hợp các đơn vị sử dụng ngân sách chi vượt quá khả năng thu và huy động của quỹ ngân sách thì cơ quan Tài chính phải chủ động thực hiện các biện pháp vay tạm thời theo quy định để bảo đảm nguồn;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện các khoản chi vượt nguồn cho phép, sai chính sách, chế độ hoặc đơn vị không chấp hành chế độ báo cáo thì có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán. Trường hợp phát hiện việc chấp hành dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách chậm hoặc không phù hợp làm ảnh hưởng kết quả nhiệm vụ, thì có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước và đơn vị dự toán cấp trên có giải pháp kịp thời hoặc điều chỉnh nhiệm vụ, dự toán chi của các cơ quan, đơn vị trực thuộc để bảo đảm thực hiện ngân sách theo mục tiêu và tiến độ quy định.

2. Kho bạc Nhà nước :

a) Thực hiện việc thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước căn cứ vào dự toán được giao, quyết định chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách và tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết khác quy định tại Điều 51 của Nghị định này;

b) Có quyền từ chối các khoản chi ngân sách không đủ điều kiện chi quy định tại Điều 51 của Nghị định này hoặc tạm dừng thanh toán theo yêu cầu của cơ quan Tài chính đối với các trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Thủ trưởng cơ quan Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm về các quyết định thanh toán, chi ngân sách hoặc từ chối thanh toán chi ngân sách quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều này.

3. Cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan quản lý và của các đơn vị trực thuộc; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách và các báo cáo tài chính khác theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về những sai phạm của các đơn vị, tổ chức trực thuộc.

4. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách :

a) Quyết định chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

5. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, chế độ kế toán nhà nước, chế độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa, phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm.

Điều 53

1. Việc cấp phát các khoản chi thường xuyên của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được thực hiện như sau :

a) Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được giao, tiến độ triển khai công việc và điều kiện chi ngân sách, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, kèm theo các tài liệu cần thiết theo chế độ quy định;

b) Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu do đơn vị sử dụng ngân sách gửi, thực hiện việc thanh toán khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 51 của Nghị định này;

c) Việc thanh toán vốn và kinh phí ngân sách thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người hưởng lương, trợ cấp xã hội và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ;

d) Đối với các khoản chi chưa có điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp, Kho bạc Nhà nước tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách để chủ động chi theo dự toán được giao, sau đó thanh toán với Kho bạc Nhà nước theo đúng nội dung, thời hạn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

đ) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể quy trình trên, phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn.

2. Việc cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện như sau :

a) Căn cứ vào dự toán ngân sách năm được giao, giá trị khối lượng công việc đã thực hiện và điều kiện chi ngân sách, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật gửi cơ quan cấp phát vốn;

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ cấp phát vốn kiểm tra hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và thực hiện thanh toán khi có đủ các điều kiện theo quy định;

c) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể phương pháp và trình tự cấp phát và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách nhà nước đúng Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định tại Nghị định này.

3. Cấp các khoản chi của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài :

Căn cứ vào dự toán chi hàng quý do cơ quan tài chính thông báo, đơn vị được rút tiền từ quỹ ngân sách do Bộ Tài chính ủy quyền cho đơn vị quản lý để chi tiêu theo dự toán được giao theo chế độ quy định;

4. Cấp kinh phí ủy quyền :

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên uỷ quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì cơ quan Tài chính ủy quyền phải chuyển kinh phí cho cơ quan Tài chính được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng chế độ cấp phát vốn ngân sách nhà nước nhưng phải hạch toán và báo cáo riêng cho cơ quan nhà nước ủy quyền. Đến 31 tháng 12, kinh phí ủy quyền chưa sử dụng hết phải trả lại ngân sách cấp ủy quyền.

5. Chính phủ có quy định riêng về chi ngân sách đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể quy trình chi ngân sách cho các nhiệm vụ : chi trả nợ, chi đầu tư và hỗ trợ cho doanh nghiệp, chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, chi cho cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các khoản chi khác của ngân sách nhà nước.

Điều 54. Trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước, nếu có sự thay đổi về thu, chi, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện như sau :

1. Nếu tăng thu so với dự toán được giao thì số tăng thu sau khi thưởng cho các địa phương theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 59 của Luật

ngân sách nhà nước và số tiết kiệm chi được sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, tăng chi đầu tư phát triển, bổ sung Quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng ngân sách. Chính phủ lập phương án sử dụng đối với từng nhiệm vụ chi, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện; Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng đối với từng nhiệm vụ chi, thống nhất ý kiến với Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi thực hiện; đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân thống nhất ý kiến với Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân trước khi thực hiện. Định kỳ, Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện các quy định nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều 54 và Khoản 5 Điều 56 của Nghị định này theo quy định tại Khoản 6 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân điều chỉnh giảm một số khoản chi tương ứng;

3. Nếu có nhu cầu chi đột xuất ngoài dự toán nhưng không thể trì hoãn được mà dự phòng ngân sách không đủ đáp ứng thì phải sắp xếp lại các khoản chi trong dự toán được giao hoặc sử dụng Quỹ dự trữ tài chính để có nguồn đáp ứng nhu cầu chi đột xuất đó.

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi nói trên theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 58 của Nghị định này.

Điều 55.

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình thanh toán, sử dụng kinh phí. Trường hợp được mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Nhà nước để tập trung một số khoản thu thì phải quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm quản lý quỹ ngân sách nhà nước (quỹ ngân sách trung ương và quỹ ngân sách các cấp chính quyền địa phương), thống nhất quản lý, tổ chức thanh toán, điều hoà vốn và tiền mặt thuộc quỹ ngân sách nhà nước nhằm tập trung nhanh, đầy đủ các khoản thu; đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước.

3. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng Thương mại nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam để tập trung các khoản thu, cấp phát, thanh toán các khoản chi của ngân sách nhà nước. Ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản có trách nhiệm bảo đảm thanh toán, điều hoà tiền mặt, ngoại tệ cho Kho bạc Nhà nước đầy đủ, kịp thời theo nhiệm vụ thu, chi của ngân sách nhà nước. Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng được ngân hàng trả lãi như các đơn vị, tổ chức kinh tế; các khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước qua ngân hàng phải trả phí thanh toán.

Điều 56. Việc thưởng cho ngân sách địa phương từ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương thực hiện theo nguyên tắc sau :

1. Tỷ lệ thưởng được xác định hàng năm cho từng tỉnh và được Thủ tướng Chính phủ công bố ngay từ đầu năm không vượt quá 30% số tăng thu so với dự toán phần ngân sách trung ương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương.

2. Số thưởng tối đa không vượt quá số tăng thu phần ngân sách trung ương được hưởng so với mức thực hiện năm trước từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương.

3. Việc xét thưởng tính trên tổng thể các khoản thu phân chia, không xét riêng từng khoản.

4. Căn cứ vào tỷ lệ thưởng do Thủ tướng Chính phủ quy định và kết quả số vượt thu, Bộ Tài chính thực hiện chi thưởng cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Căn cứ vào mức được thưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định việc sử dụng cho từng công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhiệm vụ quan trọng thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh và thưởng cho ngân sách cấp dưới theo nguyên tắc gắn với thành tích quản lý thu trên địa bàn. Việc sử dụng tiền thưởng ở ngân sách cấp dưới do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng khác.

6. Ngân sách trung ương hạch toán khoản chi thưởng vượt thu cho ngân sách địa phương vào ngân sách năm phát sinh khoản thu vượt dự toán, ngân sách địa phương hạch toán thu, chi sử dụng khoản thưởng vượt thu vào năm ngân sách sử dụng khoản được thưởng vượt thu này.

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc hạch toán, quyết toán thu chi tiền thưởng vượt thu so dự toán.

Điều 57. Việc sử dụng dự phòng ngân sách phải tuân thủ các điều kiện về chi ngân sách quy định tại Điều 51 và theo quy trình chi ngân sách quy định tại Điều 53 của Nghị định này.

Điều 58. Quỹ dự trữ tài chính :

1. Nguồn hình thành Quỹ dự trữ tài chính của trung ương, gồm :

a) Một phần số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán; mức cụ thể do Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Năm mươi phần trăm (50%) kết dư ngân sách trung ương;

c) Bố trí một khoản trong dự toán chi hàng năm của ngân sách trung ương; mức cụ thể do Chính phủ trình Quốc hội quyết định;

d) Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn hình thành Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh, gồm :

a) Một phần số tăng thu so với dự toán của ngân sách cấp tỉnh; mức cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Năm mươi phần trăm (50%) kết dư ngân sách cấp tỉnh;

c) Bố trí một khoản trong dự toán chi hàng năm của ngân sách cấp tỉnh. Mức cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định;

d) Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý và sử dụng Quỹ dự trữ tài chính :

a) Quỹ dự trữ tài chính được gửi tại Kho bạc Nhà nước và được Kho bạc Nhà nước trả lãi tiền gửi theo mức lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước trả cho Kho bạc Nhà nước, khoản lãi này được bổ sung vào Quỹ;

b) Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm chủ tài khoản; Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ tài khoản;

c) Việc trích lập Quỹ dự trữ tài chính được thực hiện dần từng năm; mức không chế tối đa là 25% dự toán chi ngân sách hàng năm của cấp tương ứng;

d) Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng để tạm ứng cho các nhu cầu chi khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả trong năm ngân sách, trừ các trường hợp đặc biệt quy định tại điểm e Khoản 3 Điều này. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh;

đ) Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính cấp mình để xử lý cân đối ngân sách trong các trường hợp :

- Thu ngân sách hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, sau khi đã sắp xếp lại ngân sách và sử dụng hết dự phòng mà chưa đủ nguồn để đáp ứng nhiệm vụ chi;

- Thực hiện các nhiệm vụ phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, tai nạn trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi đã sắp xếp lại ngân sách và sử dụng hết dự phòng ngân sách mà chưa đủ nguồn để đáp ứng nhiệm vụ chi;

- Tổng mức chi từ Quỹ dự trữ tài chính (không kể tạm ứng) cả năm không vượt quá 30% số dư của quỹ tại thời điểm bắt đầu năm ngân sách.

e) Ngân sách cấp tỉnh được tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính của trung ương nếu đã sử dụng hết Quỹ dự trữ của tỉnh. Ngân sách cấp huyện và cấp xã được tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

Điều 59. Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo đúng tiến độ thực hiện, trong phạm vi dự toán ngân sách năm được giao; có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện quy định tại Điều 51 của Nghị định này, nhưng phải thông báo kịp thời cho đơn vị biết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đơn vị bị từ chối chi, nếu không nhất trí với quyết định của cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước, có quyền khiếu nại với cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp và cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước cấp trên.

Điều 60. Trường hợp nguồn thu và các khoản vay trong dự toán của ngân sách chưa được thực hiện kịp thời theo tiến độ kế hoạch, cơ quan Tài chính được sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp như : Quỹ dự trữ tài chính, tạm ứng từ ngân sách cấp trên và các nguồn tài chính tạm thời khác

để tạm ứng cho các nhu cầu chi và phải thu hồi hoàn trả lại trong năm ngân sách.

Đối với ngân sách trung ương nếu các nguồn nêu trên vẫn không đáp ứng được thì Bộ trưởng Bộ Tài chính được tạm ứng từ Quỹ Bảo hiểm xã hội, các quỹ tài chính nhà nước hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng vốn của Ngân hàng Nhà nước.

Các khoản tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước phải được hoàn trả trong năm ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 61.

1. Các trường hợp sau đây được chi ứng trước dự toán ngân sách năm sau trong phạm vi khả năng cho phép của quỹ ngân sách :

a) Các dự án, công trình quốc gia và công trình xây dựng cơ bản thuộc nhóm A, đủ điều kiện thực hiện theo quy định của Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, đang thực hiện và cần phải đẩy nhanh tiến độ;

b) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách được xác định thuộc dự toán năm sau, nhưng phải thực hiện ngay trong năm, chưa được bố trí trong dự toán và nguồn dự phòng không đáp ứng được.

2. Đối với việc chi ứng trước dự toán ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ nêu tại điểm a Khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Việc chi ứng trước dự toán ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ nêu tại điểm b Khoản 1 Điều này, do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thu hồi các khoản chi ứng trước dự toán ngân sách trung ương.

3. Việc chi ứng trước dự toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định và chịu trách nhiệm thu hồi các khoản chi ứng trước.

4. Việc chi ứng trước dự toán không được ảnh hưởng đến việc bố trí dự toán năm sau. Tổng số chi ứng trước dự toán chi ngân sách năm sau cho các cơ quan, đơn vị không vượt quá 20% dự toán chi ngân sách theo từng lĩnh vực tương ứng năm hiện hành đã giao hoặc số kiểm tra dự toán chi ngân sách năm sau đã thông báo cho cơ quan, đơn vị đó. Khi phân bổ dự toán ngân sách cho năm sau, cơ quan phân bổ dự toán ngân sách phải bảo đảm bố trí dự toán cho các công trình, nhiệm vụ được chi ứng trước dự toán đủ nguồn hoàn trả mức đã ứng trước theo đúng thời gian quy định.

Điều 62.

1. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ có nhiệm vụ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện thu, chi ngân sách, báo cáo kế toán, quyết toán và báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật về kế toán, thống kê và các chế độ báo cáo do Bộ Tài chính quy định.

2. Cơ quan Tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách của các tổ chức, cá nhân, đơn vị không chấp hành đầy đủ kịp thời chế độ báo cáo nêu tại Khoản 1 Điều này, trừ các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội, học bổng và một số khoản chi cấp thiết theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc cấp phát, chi trả chỉ được thực hiện trở lại khi tổ chức, cá nhân, đơn vị đã chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo và cam kết không tái phạm.

Khi quyết định tạm đình chỉ chi ngân sách, cơ quan Tài chính đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của tổ chức, đơn vị bị tạm đình chỉ biết.

Chương V**KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****Điều 63.**

1. Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu, nộp ngân sách nhà nước, sử dụng vốn, kinh phí ngân sách nhà nước và quản lý các khoản thu, chi tài chính phải tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo kế toán và quyết toán các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước và các khoản thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, theo chế độ kế toán và Mục lục ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan Tài chính phải lập báo cáo quyết toán ngân sách của chính quyền cùng cấp.

Điều 64.

1. Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước; định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách cho cơ quan Tài chính cùng cấp; Kho bạc Nhà nước huyện lập báo cáo thu, chi ngân sách của từng xã, phường, thị trấn gửi Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất cho cơ quan Tài chính theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan hữu quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 65. Công tác kế toán và quyết toán ngân sách phải thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về :

1. Chứng từ thu, chi ngân sách nhà nước.
2. Mục lục ngân sách nhà nước.
3. Hệ thống tài khoản, sổ sách, mẫu biểu báo cáo.
4. Mã số đối tượng nộp thuế và mã số đối tượng sử dụng ngân sách.

Điều 66. Hết kỳ kế toán (tháng, quý, năm) các đơn vị kế toán phải khoá sổ kế toán. Việc khoá sổ kế toán ngân sách cuối năm phải bảo đảm các yêu cầu sau đây :

1. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước, nhưng nếu nộp trong năm sau thì phải hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau.

2. Các khoản chi ngân sách thuộc dự toán năm trước, nhưng nếu chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện hết không được chuyển sang năm sau chi tiếp; trừ trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định cho chi tiếp thì hạch toán và quyết toán như sau :

a) Nếu thực hiện trong thời gian chỉnh lý quyết toán, thì dùng tồn quỹ ngân sách năm trước để xử lý và hạch toán, quyết toán vào chi ngân sách năm trước;

b) Nếu được quyết định thực hiện trong năm sau thì cơ quan Tài chính làm thủ tục chi chuyển nguồn sang năm sau để chi tiếp. Các đơn vị thực hiện hạch toán và quyết toán vào ngân sách năm sau; ngân sách các cấp thực hiện quyết toán số chi chuyển nguồn năm trước sang năm sau vào chi ngân sách năm trước.

3. Các khoản đã tạm ứng kinh phí trong dự toán để chi đến hết ngày 31 tháng 12 chưa đủ thủ tục thanh toán, được tiếp tục thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán và quyết toán vào ngân sách năm trước. Việc xử lý tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp hết thời gian chỉnh lý quyết toán vẫn chưa đủ thủ tục thanh toán thì phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cấp trên đề nghị cơ quan Tài chính cùng cấp cho phép chuyển tạm ứng năm trước sang tạm ứng năm sau; nếu không được sự đồng ý của cơ quan Tài chính thì Kho bạc Nhà nước thực hiện thu hồi số tạm ứng bằng cách trừ vào các mục chi tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau của đơn vị. Nếu dự toán năm sau không bố trí các mục chi đó hoặc có bố trí nhưng ít hơn số phải thu hồi tạm ứng, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan Tài chính cùng cấp xử lý.

4. Các khoản tạm thu, tạm giữ phải xem xét cụ thể và xử lý như sau :

a) Trường hợp đã có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền thì thực hiện xử lý ngay (nộp vào ngân sách hoặc hoàn trả lại cho các đối tượng bị tạm thu, tạm giữ);

b) Trường hợp chưa có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, cuối ngày 31 tháng 12 còn dư trên tài khoản tạm giữ, được chuyển số dư sang năm sau để xử lý tiếp.

5. Đối với các loại vật tư, hàng hóa tồn kho và tiền mặt tồn quỹ tại các đơn vị dự toán cuối ngày 31 tháng 12 thực hiện kiểm kê theo quy định hiện hành và xử lý như sau :

a) Hàng hoá, vật tư tồn kho được quyết toán vào chi ngân sách năm trước, nếu còn sử dụng tiếp cho năm sau, đơn vị tổ chức theo dõi, sử dụng chặt chẽ và có báo cáo riêng. Trường hợp không còn sử dụng tiếp cho năm sau, đơn vị thành lập hội đồng thanh lý bán, nộp tiền vào ngân sách nhà nước, đối với đơn vị sự nghiệp có thu được sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Tồn quỹ tiền mặt của đơn vị đến ngày 31 tháng 12 thuộc ngân sách nhà nước cấp hoặc tạm ứng trong dự toán để chi nhưng chưa chi hết phải nộp trả ngân sách nhà nước, trừ những khoản phải chi về tiền lương, có tính chất lương theo chế độ nhưng chưa chi.

6. Kinh phí ủy quyền đến cuối ngày 31 tháng 12 chưa thực hiện thì không được chi tiếp, nếu đã chuyển vào tài khoản tiền gửi kinh phí ủy quyền thì Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển trả ngân sách cấp ủy quyền và thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp.

7. Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12 phải nộp trả Ngân sách nhà nước, trừ các trường hợp được chuyển năm sau chi tiếp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8. Các cơ quan hành chính thực hiện chế độ khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính, các đơn vị sự nghiệp có thu, các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam được chuyển kinh phí ngân sách bảo đảm hoạt động thường xuyên chưa sử dụng hết, số dư tài khoản tiền gửi và tiền mặt sang năm sau theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 67. Việc chỉnh lý quyết toán ngân sách quy định như sau :

1. Những nội dung được thực hiện trong thời gian chỉnh lý quyết toán :

a) Hạch toán tiếp các khoản thu, chi ngân sách đã phát sinh từ ngày 31 tháng 12 trở về trước, nhưng chứng từ đang luân chuyển;

b) Hạch toán chi ngân sách đối với các khoản tạm ứng đã đủ thủ tục thanh toán và các khoản chi được cấp có thẩm quyền quyết định cho chi tiếp theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Nghị định này;

c) Đối chiếu và xử lý những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán;

d) Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thời gian chỉnh lý quyết toán đối với từng cấp ngân sách.

Điều 68. Quyết toán ngân sách và báo cáo quyết toán ngân sách phải bảo đảm các nguyên tắc sau :

1. Số liệu quyết toán ngân sách nhà nước :

a) Số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp hoặc đã hạch toán thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

b) Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán hoặc đã hạch toán chi theo quy định tại Điều 62 của Luật Ngân sách nhà nước và các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau để chi tiếp theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 của Nghị định này;

2. Số liệu trong báo cáo quyết toán ngân sách phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Nội dung của báo cáo quyết toán ngân sách phải theo đúng các nội dung trong dự toán được giao và theo Mục lục ngân sách nhà nước; Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của báo cáo quyết toán của đơn vị, chịu trách nhiệm về những khoản thu, chi hạch toán, quyết toán sai chế độ.

3. Báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp chính quyền địa phương không được quyết toán chi lớn hơn thu.

4. Ngân sách cấp dưới không được quyết toán các khoản kinh phí ủy quyền của ngân sách cấp trên vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình. Cuối năm, cơ quan Tài chính được ủy quyền lập báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền theo quy định gửi cơ quan Tài chính ủy quyền và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp ủy quyền.

5. Báo cáo quyết toán năm gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định phải gửi kèm báo cáo thuyết minh nguyên nhân tăng, giảm các chỉ tiêu thu, chi ngân sách so với dự toán.

6. Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm tổng hợp số liệu quyết toán gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để cơ quan Tài chính lập báo cáo quyết toán. Kho bạc Nhà nước xác nhận số liệu thu, chi ngân sách trên báo cáo quyết toán của ngân sách các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách.

Điều 69.

1. Kết dư ngân sách trung ương là số chênh lệch giữa tổng số thu ngân sách và vay bù đắp bội chi lớn hơn tổng số chi ngân sách trung ương, kết dư ngân sách địa phương là chênh lệch giữa tổng số thu ngân sách lớn hơn tổng số chi ngân sách địa phương. Chi ngân sách bao gồm cả các khoản chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau.

2. Kết dư ngân sách được xử lý như sau :

a) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được trích năm mươi phần trăm (50%) chuyển vào Quỹ dự trữ tài chính và năm mươi phần trăm (50%) chuyển vào thu ngân sách năm sau. Trường hợp Quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức giới hạn quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 58 của Nghị định này, thì chuyển vào thu ngân sách năm sau;

b) Kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã được chuyển toàn bộ vào thu ngân sách năm sau.

Điều 70. Trình tự lập, gửi, xét duyệt và thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán được quy định như sau :

1. Đơn vị dự toán cấp dưới lập báo cáo quyết toán ngân sách năm theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên.

2. Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc. Các đơn vị dự toán cấp trên là đơn

vị dự toán cấp I, phải tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm của đơn vị mình và báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp.

3. Cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm trong quyết toán của đơn vị dự toán cấp I, ra thông báo thẩm định quyết toán gửi đơn vị dự toán cấp I. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan Tài chính duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp I.

Điều 71. Trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của ngân sách các cấp được quy định như sau :

1. Mẫu, biểu báo cáo quyết toán năm của ngân sách nhà nước và ngân sách các cấp thực hiện theo chế độ kế toán nhà nước và các văn bản hướng của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Ban Tài chính xã lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã trình Ủy ban nhân dân xã xem xét gửi Phòng Tài chính huyện; đồng thời Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn. Sau khi được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, Ủy ban nhân dân xã báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi Phòng Tài chính huyện.

3. Phòng Tài chính huyện thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện và quyết toán thu, chi ngân sách huyện (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét gửi Sở Tài chính - Vật giá; đồng thời Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Sau khi được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, Ủy ban nhân dân báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi Sở Tài chính - Vật giá.

4. Sở Tài chính - Vật giá thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách huyện; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương (bao gồm : quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét gửi Bộ Tài chính; đồng thời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn. Sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Ủy ban nhân dân báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi Bộ Tài chính.

5. Bộ Tài chính thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương; lập quyết toán thu, chi ngân sách trung ương và tổng hợp lập tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách trung ương và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương) trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội phê chuẩn; đồng gửi cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

Điều 72.

1. Đối với các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản, các chương trình, dự án quốc gia, chủ đầu tư phải thực hiện kế toán, báo cáo kế toán và lập quyết toán theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, theo chế độ kế toán và các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Đối với các dự án, công trình xây dựng cơ bản và chương trình, dự án quốc gia đã hoàn thành, chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản, chương trình, dự án theo chế độ quy định. Nếu công trình xây dựng cơ bản, chương trình, dự án quốc gia chưa hoàn thành, kết thúc năm ngân sách chủ đầu tư phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn và giá trị khối lượng hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan Tài chính cùng cấp.

3. Đối với các dự án, công trình quốc gia quan trọng do Quốc hội quyết định, ngoài việc thực hiện kế toán và báo cáo quyết toán quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, chủ đầu tư còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội.

Điều 73.

1. Việc xét duyệt quyết toán năm được thực hiện theo các nguyên tắc sau :

a) Xét duyệt từng khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị;

b) Các khoản thu phải đúng các luật, pháp lệnh thuế, pháp lệnh phí, lệ phí và các chế độ thu khác của Nhà nước;

c) Các khoản chi phải bảo đảm các điều kiện chi quy định tại Điều 51 của Nghị định này;

d) Các khoản thu, chi phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán, đúng Mục lục Ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách;

đ) Các chứng từ thu, chi phải hợp pháp. Sổ sách và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc Nhà nước.

2. Đơn vị dự toán cấp trên khi xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc có quyền :

a) Đề nghị Kiểm toán Nhà nước hoặc thuê đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật, kiểm toán các báo cáo quyết toán của các dự án, chương trình mục tiêu có quy mô lớn thêm căn cứ cho việc xét duyệt;

b) Yêu cầu đơn vị giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết để thực hiện việc xét duyệt quyết toán;

c) Yêu cầu đơn vị nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng dự toán được duyệt; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với những Thủ trưởng đơn vị chi sai chế độ, gây thất thoát Ngân sách nhà nước;

d) Điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu đơn vị cấp dưới lập lại báo cáo quyết toán nếu thấy cần thiết.

3. Kết thúc việc xét duyệt quyết toán năm, đơn vị dự toán cấp trên ra thông báo xét duyệt quyết toán năm gửi đơn vị dự toán cấp dưới; đối với đơn vị dự toán cấp I gửi đơn vị dự toán cấp dưới và gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên phải chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp dưới, nếu để xảy ra vi phạm mà không phát hiện hoặc đã phát hiện nhưng không xử lý sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 74

1. Cơ quan Tài chính thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình và ngân sách cấp dưới trực thuộc theo các nội dung sau :

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán theo quy định; bảo đảm khớp đúng giữa số liệu quyết toán của đơn vị dự toán cấp I với các thông báo duyệt quyết toán của cơ quan, đơn vị trực thuộc và xác nhận số liệu của Kho bạc Nhà nước;

b) Xem xét, xác định tính chính xác và hợp pháp của số liệu quyết toán của các khoản tăng, giảm so dự toán được giao;

c) Nhận xét về quyết toán năm.

2. Khi thực hiện thẩm định quyết toán, cơ quan Tài chính có quyền :

a) Yêu cầu đơn vị dự toán cấp I hoặc cơ quan Tài chính cấp dưới bổ sung thêm những thông tin và số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán;

b) Yêu cầu cơ quan có trách nhiệm xuất toán, thu hồi các khoản chi không đúng chế độ và ra lệnh nộp ngay các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định;

c) Yêu cầu cơ quan xét duyệt quyết toán điều chỉnh lại số liệu quyết toán của đơn vị dự toán hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại quyết toán ngân sách cấp dưới nếu có sai sót;

d) Hoàn trả hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền hoàn trả các khoản đã nộp ngân sách không đúng quy định của pháp luật.

3. Kết thúc quá trình thẩm định quyết toán năm, cơ quan Tài chính ra thông báo thẩm định quyết toán kèm nhận xét, kiến nghị gửi đơn vị dự toán cấp I hoặc cơ quan Tài chính cấp dưới theo quy định. Trường hợp phát hiện sai phạm, thực hiện xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 75

1. Thời hạn nộp báo cáo kế toán tháng, quý và báo cáo quyết toán năm quy định như sau :

a) Báo cáo kế toán tháng, quý của đơn vị dự toán các cấp và ngân sách các cấp thực hiện theo chế độ kế toán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

b) Quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp II và cấp III do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải bảo đảm thời gian để đơn vị dự toán cấp I xét duyệt, tổng hợp, lập, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp theo quy định; đối với các đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương, phải gửi trước ngày 01 tháng 10 năm sau; đối với các đơn vị dự toán cấp I của ngân sách các cấp ở địa phương, thời hạn nộp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Quyết toán năm của ngân sách các cấp chính quyền địa phương do cơ quan Tài chính lập gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét; đối với ngân sách cấp tỉnh phải gửi trước ngày 01 tháng 10 năm sau; Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể thời hạn nộp báo cáo đối với ngân sách cấp dưới;

d) Bộ Tài chính tổng hợp, lập tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước gửi Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội chậm nhất 14 tháng sau khi năm ngân sách kết thúc.

2. Việc gửi quyết toán năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, của các địa phương cho cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I và ngân sách cấp dưới trực thuộc không gửi quyết toán năm đúng thời gian quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, cơ quan Tài chính có quyền tạm đình chỉ hoặc yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ cấp kinh phí ngân sách cho đến khi nhận được quyết toán năm, trừ các khoản : lương, phụ cấp lương, trợ cấp, học bổng và một số khoản chi cấp thiết theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 76. Thời hạn xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách năm quy định như sau :

1. Thời hạn xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán các cấp II và cấp III do đơn vị dự toán cấp I quy định, nhưng phải bảo đảm thời hạn xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp I theo quy định; thời hạn xét duyệt quyết toán đối với đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương hoàn thành trước ngày 01 tháng 9 năm sau; thời hạn đối với đơn vị dự toán cấp I của ngân sách các cấp ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

2. Việc thẩm định quyết toán năm của cơ quan Tài chính cùng cấp cho đơn vị dự toán cấp I trực thuộc phải hoàn thành đúng thời gian quy định; đối với đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm sau.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian cơ quan tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm ở địa phương bảo đảm đối với cấp tỉnh phải hoàn thành trước ngày 01 tháng 8 năm sau.

3. Thời gian phê chuẩn quyết toán năm của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 67 của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chậm nhất 05 ngày sau khi được Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân gửi quyết toán ngân sách địa phương đến cơ quan Tài chính cấp trên.

Điều 77. Trường hợp giải thể, sáp nhập đơn vị, Thủ trưởng đơn vị và người phụ trách kế toán đơn vị phải chịu trách nhiệm giải quyết mọi khoản thu, chi và lập, gửi báo cáo quyết toán đến thời điểm giải thể, sát nhập theo quy định. Thủ trưởng và người phụ trách kế toán của đơn vị phải hoàn thành việc báo cáo quyết toán mới được điều chuyển đi công tác khác và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những sai phạm (nếu có) tại đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 78. Việc kiểm toán quyết toán năm của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp do cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương VI

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 79. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các địa phương, các đơn vị dự toán cấp trên chịu trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các chế độ thu, chi và quản lý ngân sách, quản lý tài sản nhà nước của các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các đơn vị này thực hiện việc kiểm tra trong đơn vị mình.

Điều 80.

1. Thanh tra Tài chính có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành thu, chi và quản lý ngân sách, quản lý tài sản nhà nước của các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, Thanh tra Tài chính có quyền :

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân được thanh tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

b) Yêu cầu các cơ quan có liên quan tham gia phối hợp thực hiện thanh tra;

c) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Thanh tra Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Khi tiếp nhận các kiến nghị của cơ quan Thanh tra Tài chính, cơ quan có thẩm quyền phải xử lý và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan Thanh tra Tài chính.

3. Thanh tra Tài chính phải chịu trách nhiệm về kết luận thanh tra của mình.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Tài chính trong việc thanh tra quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước được quy định trong văn bản riêng của Chính phủ.

Điều 81. Tổ chức, cá nhân có thành tích : thu đúng pháp luật và vượt dự toán; chi ngân sách tiết kiệm, nhưng vẫn bảo đảm chất lượng của nhiệm vụ được giao; lãnh đạo, chỉ đạo địa phương tăng thu, tiết kiệm chi, sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết số thu nộp về ngân sách cấp trên, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 82. Những hành vi sau đây là những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách :

1. Không kê khai hoặc kê khai sai doanh thu, thu nhập, chi phí, giá và các căn cứ tính các khoản phải nộp ngân sách; trì hoãn, nộp không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp được phép chậm nộp do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Cho miễn, giảm và cho phép chậm nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước sai thẩm quyền, trái nội dung quy định; giữ lại nguồn thu của ngân sách sai chế độ, sử dụng các nguồn thu được để lại để chi không đúng mục đích, vượt tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, hoặc chiếm dụng nguồn thu ngân sách.

4. Thực hiện phân chia sai nguồn thu giữa các cấp ngân sách.

5. Thu sai quy định của pháp luật.

6. Chi sai chế độ, không đúng mục đích, không đúng dự toán ngân sách được giao.

7. Duyệt quyết toán sai quy định của pháp luật.

8. Hạch toán sai chế độ kế toán của Nhà nước và Mục lục Ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách.

9. Tổ chức, cá nhân được phép tự kê khai, tự nộp thuế mà kê khai sai, nộp sai chế độ quy định gây thiệt hại cho ngân sách.

10. Quản lý hoá đơn, chứng từ sai chế độ; mua bán, sửa chữa, làm giả hoá đơn và chứng từ thanh toán; sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp;

11. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm có đủ các điều kiện chi quy định tại Điều 51 của Nghị định này; quyết toán ngân sách chậm so với thời hạn quy định.

12. Các hành vi trái với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định này và những văn bản quy phạm pháp luật khác trong lĩnh vực ngân sách.

Điều 83. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách theo quy định tại Điều 82 Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho công quỹ thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách. Việc khiếu nại, khởi kiện, tố cáo và việc giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Nghị định này có hiệu lực từ năm ngân sách 2004. Bãi bỏ Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán Ngân sách nhà nước và Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ.

Những quy định trước đây của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trái với nội dung Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 86. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG***Nơi nhận :***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương
và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,
các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : KTTH (5), Văn thư.

Phan Văn Khải đã ký